TỔNG QUAN THỊ TRƯỜNG

Tuần 08, 19/02 – 23/02/2024

Một nhịp nghỉ là cần thiết cho đà tăng bền vững

Tiêu điểm:

- Tại Hội nghị trực tuyến toàn ngành về đẩy mạnh tín dụng ngân hàng năm 2024 diễn ra ngày 20/2, Lãnh đạo nhiều ngân hàng thương mại đề nghị Ngân hàng Nhà nước tiếp tục gia hạn Thông tư 02/2023/TT-NHNN về cơ cấu nợ, giãn hoãn nợ thêm 6 đến 12 tháng nữa để cả khách hàng và ngân hàng có điều kiện hơn trong việc trả nợ.
- Báo cáo của NHNN cho thấy kết quả tăng trưởng tín dụng trong tháng đầu năm 2024 có dấu hiệu chững lại. Cụ thể, tăng trưởng tín dụng toàn hệ thống tháng 1/2024 giảm 0.6% so với cuối năm 2023.
- Sau cuộc họp định kỳ tháng 1 vừa qua, các nhà hoạch định chính sách của FED phát đi tín hiệu rằng, sẽ không có đợt cắt giảm nào cho đến khi Ủy ban FOMC tìm thấy bằng chứng tin cậy hơn cho thấy lạm phát sẽ giảm tốc bền vững.

Đánh giá: Nhịp tăng của thị trường vẫn được hỗ trợ bởi các thông tin tích cực về dữ liệu vĩ mô tháng 1/2024. Dù vậy, đà tăng quá nóng cùng với một vài thông tin vĩ mô đã kích hoạt hành động chốt lời mạnh mẽ của nhà đầu tư trong phiên giao dịch cuối tuần. Nhìn chung, nhịp điều chỉnh này là cần thiết và sát với kì vọng của chúng tôi, giúp thị trường đi lên bền vững hơn trong thời gian tới.

Góc nhìn kĩ thuật: Trên đồ thị tuần, VNINDEX đóng cửa tại 1,212 (+2.3 điểm, +0.19%), nhưng áp lực chốt lời đã xuất hiện mạnh tại phiên thứ 6 cùng với thanh khoản gia tăng mạnh mẽ. Các chỉ báo động lượng giá đều cho thấy nhịp điều chỉnh đang diễn ra. Trong tuần tới, chúng tôi kì vọng thị trường sẽ test lại vùng 1,200 tương ứng với vùng EMA 20.

Ý tưởng đầu tư: Nhóm ngân hàng vẫn luôn là điểm sáng cần chú ý. Bên cạnh đó, nhóm xuất khẩu và bất động sản được kì vọng sẽ hưởng lợi trong thời gian tới với câu chuyện kinh tế phục hồi. Nhà đầu tư cần chờ đợi nhịp bật tăng trở lại của thị trường chung để mua mới.

Dữ liệu thị trường tuần		% Thay đổi					Định giá		
Tên chỉ số	Giá đóng cửa	1W	1M	3M	YTD	Xu hướng	P/E	P/B	Vốn hóa (Tỷ USD)
VN-Index	1,212	0.2	2.5	8.8	7.3		15.8	1.8	202
Upcom Index	90	0.1	3.1	6.1	3.6		12.6	1.3	47
HNX Index	231	-0.8	0.8	2.9	0.0		22.5	1.3	12
VN30 Index	1,223	-0.1	3.3	13.0	8.1		12.4	1.7	143
S&P 500 Index	5,087	1.6	4.6	11.6	6.7		24.4	4.6	44,381
STOXX Europe 600 Index	495	0.8	5.1	8.1	3.4		14.2	1.8	14,336
Hang Seng	16,726	2.4	8.9	-6.6	-1.9		8.8	0.9	2,524
Nikkei 225	39,099	1.6	7.1	16.9	16.8		27.9	2.2	4,593
SHCOMP Index	3,005	4.8	8.4	-1.9	1.0		13.7	1.3	6,302
STI Index	3,183	-1.2	1.1	2.2	-1.8		11.2	1.1	368
KOSPI Index	2,668	0.7	8.3	6.2	0.5		18.6	1.0	1,573

Nguồn: Bloomberg



Nguồn: Bloomberg, Shinhan Securities Vietnam

Hoàng Nam
☎ (84-28) 6299 7603
✉ nam.h@shinhan.com

Theo dõi Zalo của SSV,
Cập nhật báo cáo mới nhất
Bấm vào hình hoặc quét QR

WEEKLY SNAPSHOT
Theo vốn hóa và ngành

Theo giá trị vốn hóa

Giá trị vốn hóa	1W	1M	YTD	% Thay đổi GTGD 1W	% Thay đổi GTGD 1M	% Thay đổi GTGD 3M	% Tỷ trọng GTGD Current	% Tỷ trọng GTGD Change	Định giá P/E	Định giá P/B	Vốn hóa (Tỷ VND)
Large Cap	0.3	3.0	8.0	19.2	50.1	48.2	79.2	1.5	13.6	1.8	4,302,251
Mid Cap	-0.4	6.2	5.8	7.8	29.0	35.2	19.3	-1.6	20.5	1.3	529,250
Small Cap	-17.0	0.7	-17.2	31.9	19.1	26.8	1.5	0.2	42.6	1.0	68,445

Theo ngành

Tên ngành	1W	1M	YTD	% Thay đổi GTGD 1W	% Thay đổi GTGD 1M	% Thay đổi GTGD 3M	% Tỷ trọng GTGD Current	% Tỷ trọng GTGD Change	Định giá P/E	Định giá P/B	Vốn hóa (Tỷ VND)
Hóa chất	2.3	19.9	17.6	43.1	73.2	113.1	5.3	0.9	22.6	1.9	209,301
Dược và Y tế	1.3	0.6	2.3	71.7	31.7	5.3	0.1	0.0	14.1	2.2	35,431
Truyền thông	0.6	-2.3	-10.4	63.7	159.0	73.8	0.1	0.0	29.9	1.4	1,916
Ngân hàng	0.5	2.8	14.4	9.3	41.0	67.7	23.9	-1.8	9.9	1.6	1,967,656
Bất động sản	0.5	3.1	1.0	39.5	67.1	51.8	18.7	2.9	14.4	1.2	745,194
Thực phẩm và đồ uống	0.2	2.6	-0.2	7.2	54.6	47.8	8.8	-0.9	24.3	2.4	425,793
Tiện ích	0.1	2.4	3.5	97.4	109.1	85.3	1.4	0.6	15.7	2.0	307,845
Hàng hóa dịch vụ & Công nghiệp	-0.5	2.5	3.3	-6.9	46.8	24.5	4.6	-1.2	14.2	1.3	134,630
Bảo hiểm	-0.5	3.4	5.9	-4.1	79.0	97.2	0.2	-0.1	14.3	1.5	43,151
Dầu khí	-0.6	0.9	1.3	43.0	71.7	53.8	1.0	0.2	21.5	2.1	60,357
Tài nguyên cơ bản	-0.6	0.2	1.5	1.4	26.0	8.9	6.9	-1.1	30.6	1.5	215,061
Ô tô & Phụ tùng	-0.9	7.6	6.2	13.0	3.6	27.3	0.4	0.0	18.7	1.2	15,524
Công nghệ Thông tin	-1.1	8.0	6.7	11.8	14.4	41.3	1.7	-0.1	21.3	3.5	146,511
Du lịch và Giải trí	-1.4	0.5	-1.6	-3.5	5.0	-11.3	0.4	-0.1	n.a	39.7	95,011
Tài chính	-1.5	3.3	7.6	27.0	43.3	29.7	15.5	1.1	6.9	1.6	195,053
Hàng cá nhân & Gia dụng	-1.5	1.2	5.4	21.2	1.9	13.9	0.9	0.0	14.2	2.0	56,188
Bán lẻ	-3.0	2.2	5.8	16.2	16.9	23.5	3.0	0.0	200.4	3.3	98,473
Xây dựng và vật liệu	-7.6	0.1	-5.4	9.9	33.3	53.2	7.0	-0.5	23.5	1.3	129,140

Nguồn: ICB cấp 2 - Fiinpro, Bloomberg

WEEKLY SNAPSHOT

Sự dịch chuyển của dòng vốn & Giao dịch giữa các nhóm nhà đầu tư

Tên ETF	Tài sản (Triệu USD)	Dòng vốn ròng (Triệu USD)			
		1W	1M	3M	YTD
Tổng các quỹ ETF	**3,450**	-24.1	-95.6	-233.3	-154.6
Nước ngoài	**2,411**	-21.4	-88.7	-189.8	-10.7
VanEck Vectors Vietnam ETF	539	0.0	0.0	-7.4	69.3
Fubon FTSE Vietnam ETF	872	0.0	1.9	22.6	71.0
iShares MSCI Frontier and Select EM ETF	422	-13.3	-58.2	-195.7	-187.3
Xtrackers FTSE Vietnam Swap ETF	358	-8.1	-8.1	-4.5	62.3
KIM KINDEX Vietnam VN30 ETF	191	0.0	-23.6	-4.2	-24.1
Premia MSCI Vietnam ETF	15	0.0	-0.6	-0.6	-1.5
KIM KINDEX Vietnam VN30 Future	5	0.0	0.0	0.0	-0.4
Asian Growth CUBS ETF	10	0.0	0.0	0.0	0.0
Trong nước	**1,039**	-2.7	-7.0	-43.4	-143.9
DCVFMVN Diamond ETF	572	0.0	0.0	0.0	0.0
DCVFMVN30 ETF Fund	334	-3.5	-7.3	-3.0	-45.9
SSIAM VNFIN LEAD ETF	92	0.8	1.6	-39.3	-97.5
MAFN VN30 ETF	25	0.0	-0.4	-0.5	-1.5
SSIAM VNX50 ETF	6	0.0	-0.9	-0.8	-0.9
VinaCapital VN100 ETF	4	0.0	0.0	0.0	0.0
SSIAM VN30 ETF	6	0.0	0.0	0.1	1.9

Nguồn: Bloomberg, Shinhan Securities Vietnam

Quốc gia	Dòng vốn ròng (Triệu USD)			
	WTD	MTD	QTD	YTD
Trung Quốc*	n.a	-6,066	-33,134	-67,495
Ấn độ	406	-238	-3,378	-3,378
Indonesia	133	882	1,416	1,416
Nhật Bản*	2,543	8,783	25,931	25,931
Maylaysia	128	304	450	450
Philippines	29	117	197	197
Hàn Quốc	697	5,319	7,573	7,573
Sri Lanka	1	-3	-10	-10
Đài Loan	-431	2,668	4,084	4,084
Thái Lan	303	300	-570	-570
Việt Nam	-26	-77	-24	-24

*Trung Quốc: Số liệu có độ trễ 1 quý, Nhật Bản: Số liệu có độ trễ 1 tuần.

Nguồn: Bloomberg

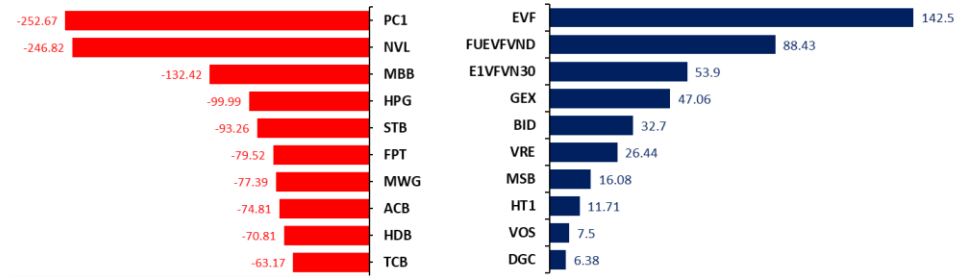
Chú thích:

WTD: từ đầu tuần
MTD: từ đầu tháng
QTD: từ đầu quý
YTD: từ đầu năm

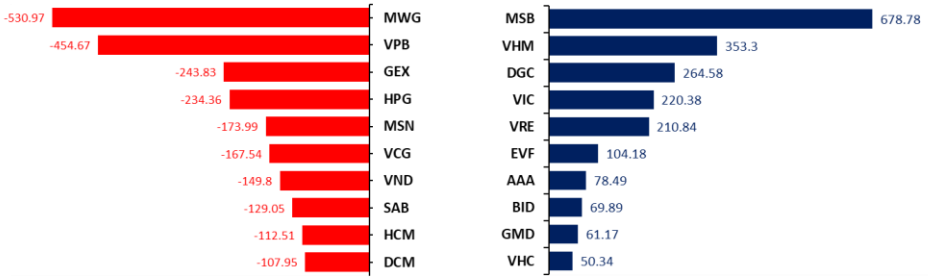
WEEKLY SNAPSHOT

Sự dịch chuyển của dòng vốn & Giao dịch giữa các nhóm nhà đầu tư

Top mua bán ròng của tự doanh CTCK (tỷ VND)



Top mua bán ròng khối ngoại (tỷ VND)



Nguồn: Fiinpro, Shinhan Securities Vietnam

Giao dịch ròng trong tuần của tự doanh và các nhà đầu tư theo nhóm ngành (tỷ VND)

Ngành ICB cấp 2	Tự doanh (tỷ VND)	Nước ngoài (tỷ VND)	Cá nhân trong nước (tỷ VND)	Tổ chức trong nước (tỷ VND)
Bất động sản	-325	465	-285	-180
Tài nguyên Cơ bản	-99	-412	502	-91
Truyền thông	0	4	-3	-1
Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	0	-254	263	-9
Y tế	0	-8	9	-1
Hóa chất	-68	150	-96	-54
Dịch vụ tài chính	206	-42	-184	226
Du lịch và Giải trí	-32	-25	43	-18
Ngân hàng	-642	288	548	-836
Xây dựng và Vật liệu	-246	-179	487	-308
Thực phẩm và đồ uống	-189	-348	413	-65
Bán lẻ	-88	-317	347	-30
Điện, nước & xăng dầu khí đốt	-19	-10	26	-16
Hàng cá nhân & Gia dụng	-41	8	7	-15
Công nghệ Thông tin	-80	4	161	-165
Ô tô và phụ tùng	7	2	-3	1
Bảo hiểm	-3	-8	16	-8
Dầu khí	-9	-4	-6	10
Tổng	-1,628	-686	2,245	-1,559

Nguồn: Fiinpro, Shinhan Securities Vietnam

Không bao gồm giá trị giao dịch thỏa thuận

Shinhan Securities

WEEKLY SNAPSHOT
Top cổ phiếu đáng chú ý

Top 5 cổ phiếu giảm nhiều nhất

TT	Mã CP	Ngành	52 Tuần	Giá đóng cửa	% Thay đổi
1	TTE	Điện, nước & xăng dầu khí đốt	9.07 - 15.60	10.0	-17.4%
2	HTL	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	11.55 - 20.00	15.7	-17.2%
3	NO1	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	6.50 - 12.10	10.0	-13.0%
4	QNP	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	22.90 - 47.80	34.0	-10.3%
5	TVB	Sản xuất nông nghiệp	3.68 - 8.10	7.2	-7.4%

Top 5 cổ phiếu tăng nhiều nhất

% Thay đổi	Giá đóng cửa	52 Tuần	Ngành	Mã CP
34.3%	14.1	10.00 - 31.50	Công nghệ Thông tin	ST8
17.1%	15.8	10.45 - 17.50	Thực phẩm và đồ uống	LAF
16.7%	6.5	5.12 - 7.49	Tài nguyên Cơ bản	TNA
16.7%	18.2	6.79 - 18.70	Dịch vụ tài chính	EVF
16.2%	6.5	7.10 - 12.20	Tài nguyên Cơ bản	DHM

* Thống kê đối với các mã có vốn hóa trên 2,000 tỷ VND

HNX

Top 5 cổ phiếu giảm nhiều nhất

TT	Mã CP	Ngành	52 Tuần	Giá đóng cửa	% Thay đổi
1	SGH	Du lịch và Giải trí	22.10 - 39.00	24.2	-18.0%
2	HMR	Xây dựng và Vật liệu	6.50 - 11.40	8.6	-14.9%
3	VIF	Tài nguyên Cơ bản	11.40 - 19.50	14.5	-14.7%
4	TMX	Xây dựng và Vật liệu	8.10 - 13.20	8.1	-13.8%
5	L62	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	2.80 - 3.90	2.9	-12.1%

Top 5 cổ phiếu tăng nhiều nhất

% Thay đổi	Giá đóng cửa	52 Tuần	Ngành	Mã CP
52.4%	19.2	2.80 - 19.90	Xây dựng và Vật liệu	MCO
32.9%	45.2	30.10 - 77.90	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	VNT
23.5%	60.0	28.80 - 71.00	Thực phẩm và đồ uống	CAN
17.4%	2.7	1.40 - 4.00	Bất động sản	FID
16.2%	50.9	29.10 - 65.70	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	TSB

Upcom

Top 5 cổ phiếu giảm nhiều nhất

TT	Mã CP	Ngành	52 Tuần	Giá đóng cửa	% Thay đổi
1	A32	Hàng cá nhân & Gia dụng	27.90 - 69.80	42.5	-39.1%
2	D17	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	30.80 - 107.80	51.7	-33.7%
3	BBH	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	8.30 - 16.00	8.3	-25.2%
4	MTC	Du lịch và Giải trí	3.10 - 9.80	3.1	-24.4%
5	LUT	Xây dựng và Vật liệu	8.70 - 20.70	15.2	-23.6%

Top 5 cổ phiếu tăng nhiều nhất

% Thay đổi	Giá đóng cửa	52 Tuần	Ngành	Mã CP
64.9%	12.7	7.40 - 53.70	Thực phẩm và đồ uống	BMV
56.8%	44.7	22.00 - 44.70	Thực phẩm và đồ uống	QHW
49.7%	23.2	4.10 - 23.30	Tài nguyên Cơ bản	BCA
47.8%	3.4	2.20 - 5.30	Xây dựng và Vật liệu	SCC
44.3%	18.9	8.50 - 24.40	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	VBH

Nguồn: Bloomberg, Đvt: nghìn đồng

Top 10 cố phiếu có giá trị giao dịch thay đổi đột biến so với tuần liền trước

STT	Mã	Tên công ty	Ngành	Giá trị giao dịch		Giá cổ phiếu		
				TB Ngày (Triệu VND)	%1W	Giá (nghìn VND)	Biến động 52 tuần	%1W
1	AST	CTCP Cảng Quy Nhơn	Bán lẻ	3,696.7	333.9	58.0	48.00 - 63.00	-0.5
2	ACG	Gỗ An Cường	Tài nguyên Cơ bản	1,017.8	292.2	38.0	34.68 - 47.10	0.3
3	SHI	SONHA CORP	Tài nguyên Cơ bản	5,682.1	239.2	15.5	12.40 - 15.60	11.5
4	EVF	Tài chính Điện lực	Dịch vụ tài chính	245,533.9	210.6	18.2	6.79 - 18.70	16.7
5	TDP	Công ty Thuận Đức	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	9,634.3	175.5	29.9	24.48 - 33.30	-0.2
6	IMP	IMEXPHARM	Y tế	2,749.9	172.5	65.5	44.76 - 71.43	4.1
7	POW	Điện lực Dầu khí Việt Nam	Điện, nước & xăng dầu khí đốt	88,635.1	170.3	11.5	10.55 - 14.20	0.0
8	VIC	VinGroup	Bất động sản	353,754.7	148.0	45.2	38.70 - 76.60	2.8
9	FIT	Tập đoàn F.I.T	Dịch vụ tài chính	17,111.9	145.4	5.0	3.83 - 7.10	7.3
10	SGR	Địa ốc Sài Gòn	Bất động sản	476.9	145.2	20.2	12.80 - 31.60	-1.2

Nguồn: Bloomberg, Shinhan Securities Vietnam - Thống kê đối với các mã có vốn hóa trên 2,000 tỷ VND

Tỷ giá

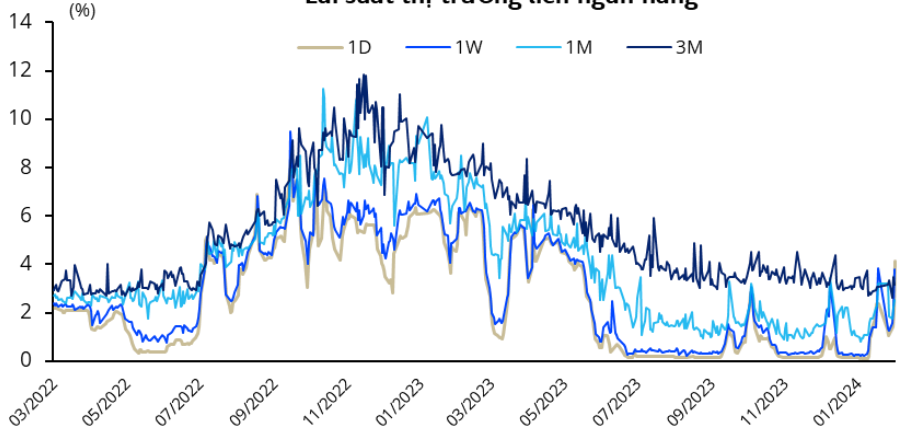
	Giá	%1W	%1M	%3M	%YTD	Xu hướng
Dollar index	103.94	-0.3	0.3	0.0	2.6	
VND/USD	24,635	0.4	0.3	1.6	1.5	
KRW/USD	1,331.10	-0.3	-0.2	2.6	3.3	
JPY/USD	150.67	0.3	1.6	0.7	6.8	
EUR/USD	0.92	-0.4	0.3	0.8	2.0	
SGD/USD	1.34	-0.2	0.2	0.3	1.8	
CNY/USD	7.20	0.1	0.4	0.7	1.4	

Hàng hóa

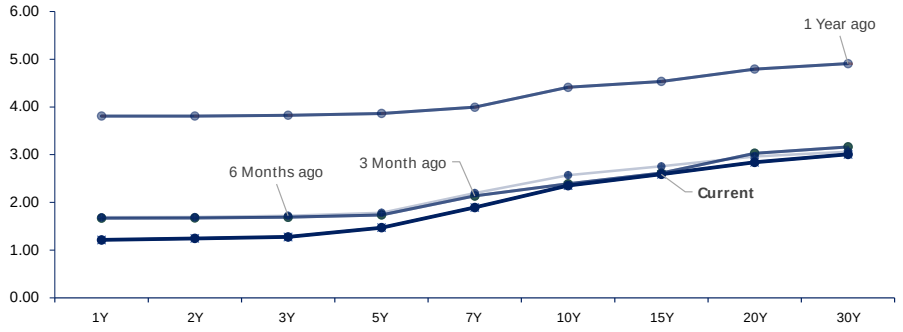
	Giá (USD)	%1W	%1M	%3M	%YTD	Xu hướng
Dầu thô	77.83	-0.3	4.7	0.9	8.6	
Xăng	230.69	-0.5	4.4	3.3	9.7	
Gas	1.67	5.3	-32.0	-42.5	-33.8	
Than	119.40	0.1	-6.3	-2.3	-18.4	
Vàng	2,018.73	0.3	-0.5	1.3	-2.1	
Bạc	22.62	-3.4	0.8	-4.5	-4.9	
Platinum	896.52	-1.4	-0.9	-2.4	-9.6	
Quặng sắt	127.82	-1.0	-5.6	-1.6	-6.3	
Thép cán	4,016.00	-0.6	-1.1	0.2	-1.5	
Lúa mì	590.25	4.1	-1.0	6.2	-6.0	
Ngô	408.50	-2.2	-8.5	-12.9	-13.3	

Nguồn: Bloomberg, Shinhan Securities Vietnam

Lãi suất thị trường liên ngân hàng



Đường cong lãi suất trái phiếu chính phủ Việt Nam (%)



TG đáo hạn	1 Yr	2 Yrs	3 Yrs	5 Yrs	7 Yrs	10 Yrs	15 Yrs	20 Yrs	30 Yrs
Lãi suất	1.21	1.24	1.28	1.47	1.89	2.35	2.59	2.62	2.76
Thay đổi (BPS)*	4.60	4.80	4.60	4.30	7.50	4.10	5.70	1.10	0.60

Nguồn: Bloomberg, Shinhan Securities Vietnam

Mạng lưới Shinhan Investment

SEOUL

Shinhan Securities Co., Ltd
Shinhan Investment Tower
70, Youido-dong, Yongdungpo-gu,
Seoul, Korea 150-712
Tel : (82-2) 3772-2700, 2702
Fax : (82-2) 6671-7573

NEW YORK

Shinhan Investment America Inc.
1325 Avenue of the Americas Suite 702,
New York, NY 10019
Tel : (1-212) 397-4000
Fax : (1-212) 397-0032

HONG KONG

Shinhan Investment Asia Ltd.
Unit 7705 A, Level 77
International Commerce Centre
1 Austin Road West
Kowloon, Hong Kong
Tel : (852) 3713-5333
Fax : (852) 3713-5300

INDONESIA

PT Shinhan Sekuritas Indonesia
30th Floor, IFC 2, Jl. Jend. Sudirman Kav.
22-23, Jakarta, Indonesia
Tel : (62-21) 5140-1133
Fax : (62-21) 5140-1599

SHANGHAI

Shinhan Investment Corp.
Shanghai Representative Office
Room 104, Huaneng Union Mansion No.958,
Luijiazui Ring Road, PuDong, Shanghai, China
Tel : (86-21) 6888-9135/6
Fax : (86-21) 6888-9139

HO CHI MINH

Shinhan Securities Vietnam Co., Ltd.
22nd Floor, Centec Tower, 72-74 Nguyen Thi Minh Khai Street,
District 3, Ho Chi Minh City, Vietnam
Tel : (84-8) 6299-8000
Fax : (84-8) 6299-4232

HA NOI

Shinhan Securities Vietnam Co., Ltd.
Hanoi Branch
2nd Floor, Leadvisors Building, No. 41A Ly Thai To,
Ly Thai To Ward, Hoan Kiem District,
Hanoi, Vietnam.
Tel : (84-8) 6299-8000

Thông báo tuân thủ & Miễn trừ trách nhiệm

Thông báo Tuân thủ

- Tôi/chúng tôi, với tư cách là chuyên viên/các chuyên viên chuẩn bị bản báo cáo này, cam kết nội dung trình bày ở trên phản ánh chính xác quan điểm của tôi/chúng tôi về các chủ đề chứng khoán và tổ chức phát hành được thảo luận trong bài nghiên cứu. Hơn nữa, tôi/chúng tôi cũng xác nhận rằng bài báo cáo này được soạn thảo mà không phải chịu bất kỳ áp lực hoặc sự can thiệp bất hợp lí nào từ bên ngoài.
- Bản báo cáo này là tài liệu tham khảo cho đầu tư dựa trên các dữ liệu trong quá khứ, vì thế những biến động giá cổ phiếu trong tương lai có thể khác với các xu hướng đã được hình thành.
- Các dữ liệu này phản ánh chính xác quan điểm của người phụ trách nghiên cứu và phân tích về chứng khoán của doanh nghiệp, nhưng các quan điểm và những ước tính này có thể có sai sót. Vì vậy, việc lựa chọn cổ phiếu và đưa ra quyết định đầu tư cuối cùng nên phụ thuộc vào chính mỗi nhà đầu tư.
- Các dữ liệu nghiên cứu và phân tích chỉ được gửi tới cho khách hàng của chúng tôi, do đó không được phép sao chép, chuyển tiếp, hay gửi lại cho các đơn vị khác trong mọi trường hợp mà chưa được sự cho phép của chúng tôi.

Miễn trừ trách nhiệm

- Báo cáo phân tích này và các tài liệu marketing dành cho thị trường / chứng khoán Việt Nam được thực hiện và phát hành bởi Phòng Phân Tích của Công ty Chứng Khoán Shinhan Việt Nam, công ty được cấp giấy phép đầu tư của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước Việt Nam. Chuyên viên phân tích, người thực hiên và phát hành báo cáo phân tích này và các tài liệu marketing, được cấp chứng chỉ hành nghề và được quản lý bởi UBCKNN Việt Nam. Báo cáo này không được sao chụp, nhân bản hoặc xuất bản (toàn bộ hoặc từng phần) hoặc tiết lộ cho bất kỳ người nào khác mà không được sự chấp thuận bằng văn bản của Công ty Chứng Khoán Shinhan Việt Nam.
- Báo cáo này được viết nhằm mục đích chỉ cung cấp thông tin. Bản báo cáo này không nên và không được diễn giải như một đề nghị mua hoặc bán hoặc khuyến khích mua hoặc bán bất cứ khoản đầu tư nào. Khi xây dựng bản báo cáo này, chúng tôi hoàn toàn đã không cân nhắc về các mục tiêu đầu tư, tình hình tài chính hoặc các nhu cầu cụ thể của các nhà đầu tư. Cho nên khi đưa ra các quyết định đầu tư cho riêng mình, các nhà đầu tư nên dựa vào đánh giá cá nhân hoặc tư vấn của chuyên gia tư vấn tài chính độc lập của mình và tùy theo tình hình tài chính cá nhân, mục tiêu đầu tư và các quan điểm thích hợp khác trong từng hoàn cảnh. Công ty Chứng Khoán Shinhan Việt Nam không đảm bảo nhà đầu tư sẽ đạt được lợi nhuận hoặc được chia sẻ lợi nhuận từ các khoản đầu tư. Công ty Chứng Khoán Shinhan Việt Nam, hoặc các bên liên quan, và các nhân sự cấp cao, giám đốc và nhân viên tuyên bố miễn trừ trách nhiệm với các khoản lỗ hoặc tổn thất liên quan đến việc sử dụng toàn bộ hoặc một phần báo cáo này. Thông tin và nhận định có thể thay đổi bất cứ lúc nào mà không cần báo trước và có thể khác hoặc ngược với quan điểm được thể hiện trong các mảng kinh doanh khác của Công ty Chứng Khoán Shinhan Việt Nam. Quyết định đầu tư cuối cùng phải dựa trên các đánh giá cá nhân của khách hàng, và báo cáo phân tích này và các tài liệu marketing không thể được sử dụng như là chứng cứ cho các tranh chấp pháp lý liên quan đến các quyết định đầu tư.
- Bản quyền ⓒ 2020 của Công ty Chứng Khoán Shinhan Việt Nam. Báo cáo này không được sao chụp, nhân bản hoặc xuất bản (toàn bộ hoặc từng phần) hoặc tiết lộ cho bất kỳ người nào khác mà không được sự chấp thuận bằng văn bản của Công ty Chứng Khoán Shinhan Việt Nam.